

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh– Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 559/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 về vụ việc tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm: 1968

Địa chỉ: 25/C12A đường L, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Ngo ép. Phung C, sinh năm: 1966

Quốc tịch: Pháp.

Địa chỉ: 49 X Vaucluse France.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Trần Minh T:

Ông và bà Ngo ép. Phung C đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 1636 quyển số 09 ngày 17 tháng 6 năm 2003.

Sau khi kết hôn, bà Ngo ép. Phung C trở về Pháp sinh sống và làm việc. Ông và bà Ngo ép. Phung C không có chung sống với nhau.

Từ khi trở về Pháp đến hiện nay, bà Ngo ép. Phung C không liên lạc hay trở về Việt Nam thăm ông. Ông và bà Ngo ép. Phung C phát sinh mâu thuẫn do thời gian xa cách kéo dài, lại không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ vợ chồng lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Ngo ép. Phung C để ổn định cuộc sống riêng của mình

Con chung: Không có

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì bà Ngo ép. Phung C đang cư trú tại Cộng hòa Pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Trần Minh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Minh T, cho ông T được ly hôn với bà Ngo ép. Phung C. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Minh T đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với bà Ngo ép. Phung C hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Pháp. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Minh T tham gia phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 02 năm 2020 nhưng ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 12 năm 2020.

Xét về thủ tục tổng đạt đối với bà Ngo ép. Phung C, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho bà Ngo ép. Phung C, sinh năm 1966; Quốc tịch Pháp cư trú tại địa chỉ 49 X Vaucluse France.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 136/TTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Pháp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 136/UTTPDS- TA30 ngày 19 tháng 3 năm 2019 cho bà Ngo ép. Phung C. Theo nội dung thông báo thì thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 01 vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 01 năm 2020, thời gian mở phiên tòa lần 02 vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 02 năm 2020.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 69/TATP-TGĐVNCTN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với đương sự Ngo ép. Phung C, sinh năm 1966; Quốc tịch Pháp cư trú tại địa chỉ 49 X Vaucluse France.

Sau khi về lại Việt Nam, trong bản tự khai ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh của bà Ngo ép. Phung C có nội dung: Bà và ông Trần Minh T, sinh năm 1968 đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 1636 quyển số 09 ngày 17 tháng 6 năm 2003.

Sau khi kết hôn, bà trở về Pháp sinh sống và làm việc còn ông T vẫn ở Việt Nam. Giữa bà và ông T không có sống chung vợ chồng.

Từ khi trở về Pháp thời gian đầu vợ chồng ông bà còn liên lạc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do mỗi người mỗi nơi, bà và ông T ít liên lạc nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn. Bà thì sinh sống và làm việc tại Pháp còn ông T thì vẫn ở Việt Nam. Thời gian xa cách kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết và giữa bà và ông T cũng không còn liên lạc qua lại. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, lại không có khả năng đoàn tụ gia đình và cũng để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

Bà Ngo ép. Phung C cũng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án ngày 03 tháng 02 năm 2020.

Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh T, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Minh T và bà Ngo ép. Phung C ngày 17 tháng 6 năm 2003, vào sổ đăng ký kết hôn số 1636 quyển số 09 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Ngo ép. Phung C là hôn nhân hợp pháp.

Theo như ông T trình bày, sau khi kết hôn, bà Ngo ép. Phung C trở về Cộng hòa Pháp sinh sống và làm việc, ông vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu, giữa ông và bà Ngo ép. Phung C vẫn còn liên lạc để vun đắp tình cảm vợ chồng. Nhưng về sau thì giữa ông và bà Ngo ép. Phung C đã không còn liên lạc. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn phát sinh, khả năng đoàn tụ là không có. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên cả hai đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông T và bà Ngo ép. Phung C mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T được ly hôn với bà Ngo ép. Phung C như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần Minh T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 464; Điều 469, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Minh T.

Quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Ngo ép. Phung C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1636 quyển số 09 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 6 năm 2003 cho ông Trần Minh T và bà Ngo ép. Phung C không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Minh T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0045550 ngày 01/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Minh T đã nộp đủ.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày ông Trần Minh T nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với bà Ngo ép. Phung C thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên

